

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Giáo dục Công dân được xây dựng và thực hiện từ năm 2007, với mục tiêu đào tạo giáo viên Giáo dục công dân cho các trường trung học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông). Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, chương trình đào tạo đã được điều chỉnh nhiều lần. Đặc biệt là vào năm 2010, chương trình đào tạo được xây dựng theo học chế tín chỉ và năm 2015 chương trình được điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Lần điều chỉnh này Ban Xây dựng chương trình đã tham khảo các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục công dân của một số trường đại học sư phạm trong nước như: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Đại học Sư phạm Đà Nẵng,...

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	<i>Giáo dục Công dân</i>
Tên chương trình (tiếng Anh)	<i>Civic Education</i>
Mã ngành đào tạo	7140204
Trường cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
Tên gọi văn bằng	<i>Cử nhân Giáo dục Công dân</i>
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	135
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	04 năm
Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<i>Học sinh tốt nghiệp THPT</i>
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 135 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;

	<ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (A2 khung năng lực châu Âu); - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin (IC3 hoặc tương đương).
Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục công dân ở trường phổ thông; - Giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; giảng dạy Lý luận chính trị ở các địa phương. - Chuyên viên, nghiên cứu viên trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các viện nghiên cứu thuộc khoa học xã hội và nhân văn; làm công tác tuyên giáo trong các cơ quan, ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thuộc chuyên ngành Giáo dục Công dân và các chuyên ngành thuộc khoa học chính trị. - Có thể tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng sau đại học ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam
Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả	Tháng 01/2019

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân khoa học ngành Giáo dục công dân giảng dạy tốt môn Giáo dục công dân ở các trường Trung học phổ thông, có thể trở thành giảng viên các môn khoa học Mác-Lênin, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị ở địa phương, giáo viên chính trị ở các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, cán bộ trong các lĩnh vực chính trị - xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể

M1. Có kiến thức sâu về các môn học chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; về hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; nắm vững kiến thức

nghiệp vụ sư phạm để thực hiện nhiệm vụ dạy học môn Giáo dục công dân và giáo dục học sinh ở trường THPT;

M2. Hiểu biết sâu sắc về các kiến thức tâm lí học, giáo dục, lý luận dạy học và có kỹ năng vận dụng vào trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học môn GDCD ở trường THPT;

M3. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học và các kỹ năng mềm để có thể tự phát triển;

M4. Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và có trách nhiệm.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Yêu cầu về kiến thức

C1. Kiến thức chung: Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật Việt Nam, các kiến thức cơ bản về quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất.

C2. Kiến thức liên ngành: Có kiến thức các khoa học liên môn như: Văn học, Địa lý, Lịch sử,... nhằm cung cấp hệ thống kiến thức phục vụ cho việc giảng dạy môn Giáo dục công dân ở phổ thông cũng như trong các công tác chính trị - xã hội.

C3. Kiến thức chuyên ngành: Có kiến thức vững vàng về Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đạo đức học, Lịch sử triết học, Logic học,...

C4. Kiến thức nghiệp vụ: Có các kiến thức nghiệp vụ sư phạm về tâm lí học, giáo dục học, lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân.

C5. Kiến thức bổ trợ: Đạt trình độ tin học cơ bản và trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

4.2. Yêu cầu về kỹ năng

C6. Kỹ năng về giáo dục nhân cách người học: Có kỹ năng phân tích và đánh giá được đặc điểm tâm lí của học sinh và môi trường giáo dục để giải quyết được các tình huống sư phạm một cách hợp lí; thực hiện được các công việc của giáo viên chủ nhiệm;

C7. Kỹ năng dạy học bộ môn GDCD: Có kỹ năng xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân và các kiến thức liên môn ở trường phổ thông cũng như các môn Lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực và quản lí được hồ sơ dạy học; Có kỹ năng phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông; Có kỹ năng lập luận, phân tích, đánh giá, giải quyết

các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giảng dạy, công việc và thực tiễn cuộc sống như các vấn đề chính trị - xã hội, dân chủ, tôn giáo, dân tộc, “diễn biến hòa bình”,... Có kỹ năng tổ chức và đánh giá một giờ lên lớp hoặc một buổi sinh hoạt chuyên môn các vấn đề chính trị - xã hội như: lòng yêu nước, pháp luật, gia đình, văn hóa, dân tộc,.. tùy theo đối tượng tiếp nhận là học sinh, sinh viên.

C8. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp cơ bản, đọc và dịch được các tài liệu chuyên ngành; vận dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục chính trị.

4.3. Yêu cầu về về thái độ

C9. Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lí luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục sau này và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Sống hòa đồng, hợp tác, quan tâm, giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn thành tốt các nhiệm vụ; đấu tranh, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật và các quy định nghề nghiệp. Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, thái độ cầu tiến nâng cao trình độ.

C10. Sống hòa đồng, hợp tác, quan tâm, giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn thành tốt các nhiệm vụ; đấu tranh, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật và các quy định nghề nghiệp. Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, thái độ cầu tiến nâng cao trình độ.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra									
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10
M1	x	x	x				x			
M2				x		x	x			
M3				x	x			x		x
M4						x			x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy - học

Kết hợp các phương pháp truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, bao gồm: thuyết trình, thảo luận, seminar, hoạt động nhóm...

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Kết quả học tập được xử lí, đánh giá dựa trên cả ba loại thang điểm: thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4. Bảng kết quả học tập của sinh viên sẽ ghi điểm học phần theo

thang điểm 10 và thang điểm chữ. Phần xử lí kết quả học tập theo thang điểm 4.

2. Quy định về sử dụng các thang điểm:

a) Thang điểm 10 được sử dụng để cho các điểm thành phần (điểm đánh giá chuyên cần và chuẩn bị thường xuyên, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần).

b) Thang điểm chữ gồm các chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F⁺, F được quy đổi từ thang điểm 10 như trong Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập.

c) Thang điểm 4 được quy đổi từ thang điểm chữ như trong Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập.

Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại	
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0	Giỏi	Đạt
2	Từ 7,8 đến 8,4	B ⁺	3,5	Khá	
3	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0		
4	Từ 6,3 đến 6,9	C ⁺	2,5	Trung bình	
5	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0		
6	Từ 4,8 đến 5,4	D ⁺	1,5	Trung bình yếu	
7	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0		
8	Từ 2,5 đến 3,9	F ⁺	0,5	Kém	Không đạt
9	Từ 0 đến 2,4	F	0		

6.2.2. Đánh giá học phần

1. Kết quả mỗi học phần được đánh giá bằng một điểm tổng kết học phần.

a) Đối với học phần chỉ có lí thuyết hoặc có cả lí thuyết và thực hành: Điểm học phần được tính như sau:

$$a = 0,1 \times a_1 + 0,2 \times a_2 + 0,7 \times a_3$$

Trong đó: a là điểm học phần; a₁ là điểm đánh giá chuyên cần và chuẩn bị thường xuyên; a₂ là điểm kiểm tra giữa học phần; a₃ là điểm thi kết thúc học phần.

Các điểm thành phần a₁, a₂, a₃ được cho theo thang điểm 10 (không làm tròn). Điểm học phần được làm tròn tới một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ.

b) Đối với học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm các bài thực hành được cho theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kì được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành, sau đó được chuyển sang điểm chữ.

2. Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm a₁, a₂, trừ bài thi kết

thức học phần.

6.2.3. Kết quả học tập chương trình đào tạo

1) Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ đã được Nhà trường chấp nhận. Trong học kỳ, sinh viên tự ý bỏ học học phần nào đã đăng ký thì phải nhận điểm F cho học phần đó.

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần (Điểm các học phần được quy đổi về thang điểm 4).

3. Khối lượng kiến thức tích lũy tức là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét.

2) Tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo thang điểm 4.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó: A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy, được làm tròn đến hai chữ số thập phân; a_i là điểm của học phần thứ i ; n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ; n là tổng số học phần;

3. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ được tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

4. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét cảnh báo kết quả học tập, xét buộc thôi học cũng như xét xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp của sinh viên được tính theo kết quả điểm học phần của lần học có điểm học phần cao nhất.

II. Mô tả chương trình dạy học

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Mã ngành: 7140204

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 (Không tính môn học: GDQP-AN 08 tín chỉ, GDTC 03 tín chỉ), trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 25 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 66 tín chỉ
- + Khối kiến thức của nhóm ngành: 41 tín chỉ
- + Khối kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ

Bắt buộc: 19 tín chỉ

Tự chọn: 06 tín chỉ

- Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 37 tín chỉ

Bắt buộc: 33 tín chỉ

Tự chọn: 04 tín chỉ

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn thay thế: 07 tín chỉ

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục công dân

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Môn học tiên quyết	Khoa phụ trách
				Lên lớp			Thực hành thí nghiệm, thực	Tự học, tự nghiên cứu		
				Lý thuyết	Bài tập	Xêmina, thảo luận				
I	KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG		25							
1	Triết học Mác – Lênin	CT106	4	42		36		90	GDCT	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	CT107	3	32		26		75	GDCT	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT108	2	21		18		60	GDCT	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT109	2	21		18		60	GDCT	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT110	3	32		26		75	GDCT	
6	Ngoại ngữ 1	A2101	3	30	15			75	Ngoại ngữ	
7	Ngoại ngữ 2	A2102	2	20	10			45	Ngoại	

										ngữ
8	Ngoại ngữ 3	A2103	2	20	10			45		Ngoại ngữ
9	Tin học	TH101	2	15			30	45		Tin học
10	Giáo dục thể chất 1	TC101					30	15		GDTC
11	Giáo dục thể chất 2	TC102					30	15		GDTC
12	Giáo dục thể chất 3	TC103					30	15		GDTC
13	Pháp luật đại cương	PL101	2	15		30		45		GDCT
II.	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		66							
II.1.	Khối kiến thức của nhóm ngành		41							
14	Lịch sử văn minh thế giới	LS202	2	15		30		45		Lịch sử
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH201	2	15		30		45		Văn
16	Lôgic học	CT202	2	15		30		45		GDCT
17	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	CT329	2	15		30		45		GDCT
18	Giáo dục môi trường cho học sinh phổ thông	CT220	2	15		30		45		GDCT
19	Giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông	CT204	3	30		30		75		GDCT
20	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	CT205	3	35		30		75		GDCT
21	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	CT206	3	30		30		75		GDCT
22	Giá trị sống và giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông qua môn Giáo dục công dân	CT221	2	15		30		45		GDCT
23	Dân số và phát triển	CT208	2	15		30		45		GDCT
24	Xã hội học	CT306	2	15		30		45		GDCT
25	Những vấn đề thời đại ngày nay	CT333	3	30		30		75		GDCT
26	Tôn giáo học	CT305	2	15		30		45		GDCT
27	Giáo dục gia đình	CT323	2	15		30		45		GDCT
28	Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh	QA910.CT	2							TT

	thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam			15		30		45		GDQP
29	Kinh tế học đại cương	CT222	2	30		30		75		GDCT
30	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	CT223	2	15		30		45		
31	Đạo đức nghề nghiệp	CT210	2	15		30		45		GDCT
32	Thực tế chính trị - xã hội	CT211	1				15	30		GDCT
II.2.	Khối kiến thức chuyên ngành		25							
Bắt buộc			19							
33	Tiếng Anh chuyên ngành	CT212	3	30		30		75		GDCT
34	Lịch sử triết học	CT224	4	30		60		90		GDCT
35	Hiến pháp và các định chế chính trị	CT225	2	15		30		45		GDCT
36	Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh	CT219	2	15		30		45		GDCT
37	Pháp luật quốc tế	CT226	2	15		30		45		GDCT
38	Pháp luật về quyền con người	CT227	2	15		30		45		GDCT
39	Pháp luật kinh tế	CT228	2	15		30		45		GDCT
40	Kinh tế phát triển	CT229	2	15		30		45		GDCT
Tự chọn:			06							
Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần sau)										
41	Một số chuyên đề triết học	CT216	2	15		30		45		GDCT
42	Một số chuyên đề kinh tế chính trị	CT217	2	15		30		45		GDCT
Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần sau)										
43	Một số chuyên đề CNXHKKH	CT218	2	15		30		45		GDCT
44	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT317	2	15		30		45		GDCT
Tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 học phần sau)										
45	Lôgic biện chứng	CT325	2	15		30		45		GDCT
46	Lịch sử các học thuyết kinh tế	CT309	2	15		30		45		GDCT

III	KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM		37						
Bắt buộc			33						
47	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	2	15		30		45	TL-GD
48	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (Tâm lý học 2)	TL502	2	15		30		45	TL-GD
49	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	2	15		30		45	TL-GD
50	LLDH và LLGD ở trường THPT (Giáo dục học 2)	GD502	2	15		30		45	TL-GD
51	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	CT407	2	15		30		45	GDCT
52	Rèn luyện NVSPTX	SP101	2	15		30		45	VNCSP
53	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD theo chuẩn năng lực ở trường THPT	CT335	2	15		30		45	GDCT
54	Lý luận chung về dạy học môn GDCD ở trường THPT	CT336	3	30		30		90	GDCT
55	Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD ở trường PT(phần 1)	CT337	3				90	45	GDCT
56	Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD ở trường PT (phần 2)	CT338	2				60	30	GDCT
57	Thực hành sư phạm 1	CT408	2				60	30	GDCT TL-GD và Đào tạo
58	Thực hành sư phạm 2	CT409	2				60	30	GDCT TL-GD và Đào tạo
59	Thực tập sư phạm 1	CT603	3				13	5	

60	Thực tập sư phạm 2	CT604	4				18 0			
Tự chọn: chọn 2 môn trong các môn sau			04							
61	Giao tiếp sư phạm	TL305	2	15		30		45		TL-GD
62	Tâm lý học giới tính	TL306	2	15		30		45		TL-GD
63	Những vấn đề giáo dục cần cập nhật	GD303	2	15		15	15	45		TL-GD
64	Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh THPT	TL303	2	15		30		45		TL-GD
65	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn GDCD ở trường THPT	CT339	2	15			30	45		GDCT
66	Kỹ năng phát triển chương trình môn GDCD ở trường THPT	CT340	2	15			30	45		GDCT
67	Một số phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Giáo dục công dân	CT341	2	15			30	45		GDCT
68	Kỹ thuật sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học môn GDCD	CT342	2	15			30	45		GDCT
69	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông qua dạy học môn GDCD	CT334	2	15			30	45		GDCT
IV.	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP VÀ CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH THAY THẾ		07							
70	Khóa luận tốt nghiệp	CT703	07					31 5		GDCT
	Các môn học chuyên ngành thay thế		7							
Bắt buộc			03							

71	Lý luận và thực hành dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông	CT410	3	30		30		75		GDCT
Tự chọn: Chọn 1 trong 2 môn			04							
72	Sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	CT411	4	30		60		90		GDCT
73	Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay	CT412	4	30		30		90		GDCT
Tổng số			135							

2. Trình tự nội dung chương trình dạy học

STT	Tên học phần	Lịch trình giảng dạy
1	Tin học	Học kỳ 1
2	Giáo dục thể chất 1	Học kỳ 1
3	Lịch sử văn minh thế giới	Học kỳ 1
4	Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 1
5	Lịch sử triết học	Học kỳ 1
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kỳ 1
7	Giáo dục gia đình	Học kỳ 1
8	Pháp luật đại cương	Học kỳ 1
9	Giáo dục thể chất 2	Học kỳ 2
10	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 2
11	Tâm lý học 1	Học kỳ 2
12	Giáo dục học 1	Học kỳ 2
13	Ngoại ngữ 1	Học kỳ 2
14	Kinh tế học đại cương	Học kỳ 2
15	Pháp luật quốc tế	Học kỳ 2
16	Giáo dục môi trường cho HSPT	Học kỳ 2
17	Lôgic học	Học kỳ 2

18	CNXH khoa học	Học kỳ 3
19	Giáo dục thể chất 3	Học kỳ 3
20	Tâm lý học 2	Học kỳ 3
21	Ngoại ngữ 2	Học kỳ 3
22	Giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông	Học kỳ 3
23	Giáo dục học 2	Học kỳ 3
24	Lý luận chung về dạy học môn GDCD ở trường THPT	Học kỳ 3
25	Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam	Học kỳ 3
26	Xã hội học	Học kỳ 3
27	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 4
28	Hiến pháp và các định chế chính trị	Học kỳ 4
29	Kinh tế phát triển	Học kỳ 4
30	Ngoại ngữ 3	Học kỳ 4
31	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	Học kỳ 4
32	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Học kỳ 4
33	Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD ở trường PT (phần 1)	Học kỳ 4
34	Thực hành sư phạm 1	Học kỳ 4
35	Lịch sử ĐCSVN	Học kỳ 5
36	Rèn luyện NVSPTX	Học kỳ 5
37	Những vấn đề thời đại ngày nay	Học kỳ 5
38	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Học kỳ 5
39	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	Học kỳ 5
40	Thực tế chính trị - xã hội	Học kỳ 5
41	Thực tập sư phạm 1	Học kỳ 5
42	Tự chọn nghiệp vụ SP 1	Học kỳ 6
43	Đạo đức nghề nghiệp	Học kỳ 6
44	Dân số và phát triển	Học kỳ 6
45	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Học kỳ 6
46	Giá trị sống và giáo dục giá trị sống cho HSPT qua môn GDCD	Học kỳ 6
47	Tự chọn NVSP 2	Học kỳ 6
48	Pháp luật về quyền con người	Học kỳ 6
49	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD theo chuẩn năng lực	Học kỳ 6

	ở trường phổ thông	
50	Tự chọn chuyên ngành 1	Học kỳ 6
51	Tiếng Anh chuyên ngành	Học kỳ 7
52	Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh	Học kỳ 7
53	Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD ở trường PT (phần 2)	Học kỳ 7
54	Pháp luật kinh tế	Học kỳ 7
55	Tôn giáo học	Học kỳ 7
56	Tự chọn chuyên ngành 2	Học kỳ 7
57	Tự chọn chuyên ngành 3	Học kỳ 7
58	Thực hành sư phạm 2	Học kỳ 7
59	Thực tập sư phạm 2	Học kỳ 8
60	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn học chuyên ngành thay thế	Học kỳ 8

3. Ma trận mức độ đóng góp của các khối kiến thức vào đạt được chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra									
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10
K1	3	2	2	1	1	1	1	1	2	2
K2	2	3	3	2	1	1	3	1	2	2
K3	1	1	2	3	2	3	3	1	1	1
K4	1	1	2	3	1	1	3	1	1	1

4. Ma trận mức độ đóng góp của học phần vào đạt được chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra									
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10
CT106	3	1	2	1	0	1	1	0	2	3
CT107	3	1	2	1	0	1	1	0	2	3
CT108	3	1	2	1	0	1	1	0	2	3
CT109	3	1	2	1	0	1	1	0	2	3
CT110	3	1	2	1	0	1	1	0	2	3
A2101	0	1	0	1	3	1	0	3	0	0
A2102	0	1	0	1	3	1	0	3	0	0
A2103	0	1	0	1	3	1	0	3	0	0
TH101	0	1	0	1	3	1	0	3	0	0

TC101	0	1	0	1	3	2	1	3	1	1
TC102	0	1	0	1	3	2	1	3	1	1
TC103	0	1	0	1	3	2	1	3	1	1
PL101	3	1	2	1	0	1	1	0	2	3
LS202	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
VH201	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT202	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT329	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT220	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT204	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT205	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT206	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT221	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT208	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT306	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT333	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT305	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT323	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
QA910.CT	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT222	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT223	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT210	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT211	1	3	1	1	0	1	1	0	2	2
CT212	1	1	3	1	3	1	2	3	1	1
CT224	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT225	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT219	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT226	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT227	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT228	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT229	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT216	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT217	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2

CT218	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT317	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT325	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
CT309	2	1	3	1	0	1	1	0	2	2
TL501	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
TL502	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
GD501	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
GD502	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT407	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
SP101	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT335	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT336	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT337	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT338	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT408	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT409	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT603	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT604	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
TL305	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
TL306	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
GD303	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
TL303	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT339	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT340	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT341	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT342	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT334	1	1	1	3	0	3	2	0	2	2
CT703	2	2	3	3	1	1	2	1	3	3
CT410	2	2	3	3	1	1	2	1	3	3
CT411	2	2	3	3	1	1	2	1	3	3
CT412	2	2	3	3	1	1	2	1	3	3

5. Mô tả tóm tắt các học phần

5.1. *Triết học Mác - Lênin*

- Môn học tập trung trang bị cho sinh viên nắm vững những nguyên lý cơ bản nhất về triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Có mối quan hệ trực tiếp với các môn học như: Kinh tế chính trị Mác –Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học như: Lịch sử triết học, Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Tôn giáo học, Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông, Xã hội học, Đạo đức học, Giáo dục pháp luật...

5.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng tổ chức dạy học các chuyên đề về kinh tế chính trị

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các chuyên đề tự chọn được tổ chức dạy học ở THPT, nhất là lớp 11, 12.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến các kiến thức về kinh tế

5.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Môn học có 8 chương bao gồm kiến thức của Chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXHKKH.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới việc giáo dục lập trường, tư tưởng cho học sinh phổ thông, cũng như cung cấp kiến thức chuyên sâu cho HSPT trong cách nhìn nhận các vấn đề chính trị xã hội.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên ngành, nhất là những modul có liên quan đến các kiến thức triết học, tôn giáo, đường lối, tư tưởng Hồ Chí Minh.

5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống chuyên sâu về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến các kiến thức về văn hóa, đạo đức; về triết học, lịch sử Đảng; về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với môn Giáo dục công dân ở THPT, nhất là lớp 10. Đó là hệ thống những vấn đề về giáo dục phẩm chất đạo đức cá nhân, xây dựng các chuẩn mực đạo đức của công dân, xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

5.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên chuyên ngành Lý luận chính trị sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học và những kiến thức hệ thống, cơ bản, toàn diện về sự ra đời của Đảng và quá trình Đảng lãnh

đạo cách mạng. Qua đó tổng kết sự lãnh đạo của Đảng, khẳng định thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, rút ra kinh nghiệm để giúp người học nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng, khả năng vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với môn Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn GDCD nhất là những vấn đề liên quan đến đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

5.6. Ngoại ngữ 1

- Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; củng cố và nâng cao vốn từ vựng.

5.7. Ngoại ngữ 2

- Nắm được kiến thức ngữ pháp cơ bản, kiến thức đất nước học, phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ,

5.8. Ngoại ngữ 3

- Nắm vững những kiến thức cơ bản của tiếng Anh và có thể truyền đạt những nhu cầu đơn giản và cơ bản. Có thể hiểu các câu và cấu trúc thông dụng về các lĩnh vực liên quan trực tiếp nhất. Có thể giao tiếp trong các công việc đơn giản và lặp lại đòi hỏi việc trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc và lặp lại. Có thể mô tả bằng từ ngữ đơn giản các khía cạnh về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

5.9. Tin học

- Môn học tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học cũng như máy vi tính, trình bày những kiến thức như thông tin và biểu diễn thông tin trong máy tính; Các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản, hướng dẫn sử dụng phần mềm xử lý văn bản cụ thể; Các kỹ năng xử lý bảng tính với các phần mềm cụ thể: sử dụng các hàm cơ bản để tính toán trong bảng, làm việc với cơ sở dữ liệu; Cách biên soạn một bản báo cáo, một bài giảng, bài trình bày trên máy chiếu với phần mềm cụ thể; Các kiến thức về Internet và Email, trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là Web và Gmail nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet.

- Môn học quan hệ trực tiếp tới môn Tin học 10 (từ §1 đến §22).

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền

thông trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở trường phổ thông.

- Môn học là công cụ cho các môn học khác trong chương trình

5.10. Giáo dục thể chất 1

Môn học GDTC 1 được cấu trúc gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành:

- Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y – Sinh học TDDT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

+ Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục tay không.

+ Thực hành nội dung chạy cự ly trung bình.

+ Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

5.11. Giáo dục thể chất 2

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDDT, y – sinh học TDDT; kiến thức và kỹ năng tổ chức: kỹ thuật cơ bản của môn học, trò chơi vận động.

- Nội dung môn học mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

5.12. Giáo dục thể chất 3

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDDT, y – sinh học TDDT; kiến thức và kỹ năng tổ chức: kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá, trò chơi vận động.

- Nội dung môn học mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

5.13. Pháp luật đại cương

- Môn học tập trung nghiên cứu các chế định chủ yếu trong hệ thống PLVN hiện hành.

- Môn học có quan hệ trực tiếp với lĩnh vực giáo dục đạo đức – công dân trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Môn học là một trong những môn đại cương trong chương trình đào tạo đại học.

- Có mối quan hệ chặt chẽ với môn: Giáo dục PL cho học sinh phổ thông, Giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ...

5.14. Lịch sử văn minh thế giới

- Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn

minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX... Trong mỗi nền văn minh sẽ giới thiệu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội-văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh. Trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, tôn giáo...

5.15. Cơ sở văn hóa Việt Nam

- Môn học trang bị cho SV khoa GDCT hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, gồm: Các khái niệm cơ bản về văn hóa và văn hóa học; Chức năng giáo dục của văn hóa; Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp – ưu điểm và hạn chế; Đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt; Quá trình giao lưu văn hóa và kinh nghiệm lịch sử của cha ông trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; Tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn và thành tựu nổi bật trong từng thời kì; Đặc điểm cơ bản về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cộng đồng dân tộc Việt Nam; Tính thống nhất trong sự đa dạng các sắc màu văn hóa của vùng, miền; Đường lối chính sách của Đảng về xây dựng phát triển văn hoá dân tộc; Thời cơ và thách thức mới trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay.

- Với chức năng nổi bật của văn hóa là chức năng giáo dục, môn học này sẽ có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống; giáo dục người học ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, thuần phong mỹ tục, kiên quyết phê phán, chối bỏ những hành vi, biểu hiện xấu, tiêu cực, phản văn hóa; đặc biệt là giáo dục người học phép ứng xử văn hóa trong môi trường nhà trường và xã hội.

- Trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng chưa có môn học tương tự. Vì vậy, đây là môn học mới, góp phần quan trọng giúp người học phát triển năng lực giao tiếp, quan niệm sống và phép ứng xử nhân văn; đồng thời, đáp ứng chuẩn đầu ra đối với SV ngành Cử nhân Sư phạm GDGD.

- Môn học có quan hệ mật thiết với những môn học thuộc khối kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành, giúp người học biết trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống, thêm hiểu, thêm yêu con người và Tổ quốc Việt Nam. Từ đó, hình thành thái độ ứng xử văn hoá trong cuộc sống với tinh thần xây dựng nền văn hoá Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

5.16. Lô gic học

- Môn học cung cấp một cách có hệ thống những tri thức về những vấn đề Lôgic học. Khái niệm, nội dung của các hình thức Lôgic của tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận, giả thuyết, chứng minh); các quy luật của Lôgic học và sự vận dụng vào nghiên cứu, giảng dạy.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các môn học bắt buộc (như: Pháp luật học, Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Tác phẩm Mác-Ăngghen, Lênin; Phương

pháp nghiên cứu khoa học, Các học phần thuộc phương pháp giảng dạy môn GDCD.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn công dân công dân với tổ quốc.

- Đây là môn học cơ bản nhất làm nền tảng, cho các môn học chuyên ngành tiếp theo trong việc hình thành tư duy logic cho sinh viên

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành sâu như: Giáo dục gia đình, một số vấn đề về thời đại ngày nay, Một số tác phẩm của Mác- Ăngghen...

5.17. Lịch sử tư tưởng Việt Nam

- Nắm bắt được cội nguồn và những nội dung kiến thức cơ bản của lịch sử tư tưởng của người Việt về thế giới quan và nhân sinh quan.

- Nắm bắt được một cách hệ thống những tư tưởng Việt Nam từ thời tiền sử đến đầu thế kỷ XX.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành sâu (như môn: Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, Đạo đức học, Chính trị học) trong chương trình.

5.18. Giáo dục môi trường cho học sinh phổ thông

- Nội dung môn học tập trung cung cấp các kiến thức cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững và các vấn đề cơ bản về giáo dục môi trường nói chung.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn giáo dục công dân và các mod-ul giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục kinh tế, giáo dục môi trường trong chương trình để cung cấp những kiến thức tổng thể cho người học, đáp ứng nội dung chương trình môn “Giáo dục công dân” trong chương trình phổ thông mới hiện nay.

- Môn học phát triển phần lý luận và thực tiễn lồng ghép vào hoạt động dạy học nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người học.

5.19. Giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông

- Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật qua dạy học môn giáo dục công dân nói riêng.

- Trong chương trình cũ và chương trình đào tạo không có môn học này hoặc có nhưng ở trình độ thấp hơn.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học pháp luật Việt Nam, trên cơ sở những kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam để đi sâu vào vấn đề giáo dục pháp luật trong trường phổ thông.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn GDCD nhất là những vấn đề liên quan đến đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

5.20. Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông

- Môn học tập trung nghiên cứu những lý luận cơ bản của đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông

- Môn học có quan hệ trực tiếp môn Phương pháp giảng dạy GDCD (vấn đề đạo đức và thẩm mỹ), hình thành và bồi dưỡng đạo đức và năng lực thẩm mỹ cho học sinh.

- Có mối quan hệ chặt chẽ với các môn chuyên ngành sâu như: Lịch sử triết học, Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ, Tôn giáo học, Lịch sử tư tưởng Việt Nam...

5.21. Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông

- Tập trung phân tích những phạm trù cơ bản của mỹ học: những phạm trù của đối tượng thẩm mỹ như cái đẹp, cái bi, cái hài,... và phạm trù của chủ thể thẩm mỹ như: tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, lý tưởng thẩm mỹ, trên cơ sở đó vận dụng kiến thức đã học cùng với sự trải nghiệm cá nhân giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông như nhận biết cái đẹp,...

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn GDCD: Có mối quan hệ trực tiếp tới việc giáo dục thẩm mỹ cho học sinh cũng như cung cấp kiến thức thẩm mỹ cho HSPT trong cách nhìn nhận các vấn đề liên quan đến thị hiếu thẩm mỹ, các vấn đề xã hội từ đó, không ngừng nâng cao năng lực thẩm mỹ cho bản thân.

- Trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, có môn học tương tự (ở cấp độ thấp hơn).

- Có mối quan hệ chặt chẽ với modul kiến thức liên quan các kiến thức Lịch sử triết học, Đạo đức học, Tôn giáo học, Giáo dục đạo đức và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông, văn học.

5.22. Giá trị sống và giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông qua môn Giáo dục Công dân

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức và phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT nói chung và thông qua môn học GDCD nói riêng.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới việc giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT – một trong những nội dung quan trọng của dạy học môn giáo dục công dân ở trường THPT.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Đây là môn học mới được bổ sung vào chương trình đào tạo trên cơ sở bám sát nội dung môn học “Công dân với Tổ quốc” trong chương trình mới.

- Môn học có liên quan đến việc giảng dạy các chuyên đề tích hợp ở THPT, và là một nội dung quan trọng trong môn học “Công dân với Tổ quốc” trong chương trình giáo dục tổng thể

mới.

5.23. Dân số và phát triển

- Tập trung vào các vấn đề chính: Dân số, cơ cấu và chất lượng dân số, mối quan hệ giữa dân số và phát triển.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, có môn học tương tự (ở cấp độ thấp hơn).

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Logic học, Xã hội học, Giáo dục học.

5.24. Xã hội học

- Tập trung vào vấn đề: Nghiên cứu tư tưởng của một số nhà xã hội học, phương pháp điều tra xã hội học và một số chuyên ngành của xã hội học. Môn học có mối liên hệ gián tiếp tới môn Giáo dục công dân trong chương trình giáo dục phổ thông, giúp học sinh hình thành thế giới quan duy vật, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận khoa học trong việc nhận diện và giải quyết những vấn đề thực tiễn. Đặc biệt, trang bị cho các em kỹ năng khảo sát một vấn đề xã hội.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành sau: Lịch sử triết học phương tây hiện đại, Thống kê xã hội và Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chương trình.

5.25. Những vấn đề thời đại ngày nay

- Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về sự ra đời của các tổ chức quốc tế, toàn cầu hóa, chiến tranh và hòa bình, bảo vệ di sản văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với môn phương pháp giảng dạy giáo dục công dân, những vấn đề về lý tưởng, an ninh quốc phòng.

- Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (1,2), Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Lý luận chính trị 4), Chính trị học, Pháp luật học.

5.26. Tôn giáo học

- Môn học cung cấp một cách có hệ thống những tri thức về những vấn đề lý luận chung về tôn giáo; sự ra đời, giáo lý của các tôn giáo lớn và ảnh hưởng vào Việt Nam và một số tôn giáo tín ngưỡng dân tộc ở Việt Nam

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các môn học bắt buộc (như: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; chuyên đề CNXHKKH, lịch sử thế giới...)

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn công dân công dân với tổ quốc.

- Đây là môn học cơ bản nhất làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành sâu như: Giáo dục gia đình, một số vấn đề về thời đại ngày nay, Một số tác phẩm của Mác- Ăngghen...

5.27. Giáo dục gia đình

- Môn học cung cấp cho người học kiến thức về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của giáo dục gia đình

- Hiểu được chức năng, đặc điểm và tính chất của gia đình.

- Giáo dục gia đình qua các giai đoạn và nội dung của giáo dục gia đình, qua đó phân tích được thực trạng biến đổi của gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Từ đó dự báo được xu hướng biến đổi của nó.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học trong chương trình đào tạo đại học sau: xã hội học, các tác phẩm kinh điển của C. Mác, Ăngghen, phương pháp giảng dạy giáo dục công dân phổ thông. Đặc biệt, môn học trang bị tri thức tiếp nội dung cho môn giáo dục công ở bậc phổ thông.

5.28. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam

- Môn học tập trung nghiên cứu Quan điểm của Đảng, nhà nước ta về xây dựng chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia; kiến thức về đại dương và chủ quyền biển, đảo Việt Nam; kiến thức về Luật pháp Quốc tế và Luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nội dung giải pháp tăng cường bảo vệ biển đảo trong thời kỳ mới. trên cơ sở đó góp phần quản lý, bảo vệ chủ quyền, phát triển bền vững các vùng biển, đảo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5.29. Kinh tế học đại cương

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng tổ chức dạy học các chuyên đề về kinh tế học và định hướng nghề nghiệp cho HS THPT.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các chuyên đề tự chọn được tổ chức dạy học ở THPT, nhất là lớp 11, 12.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến các kiến thức về kinh tế.

5.30. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng tổ chức dạy học các chuyên đề về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các chuyên đề tự chọn được tổ chức dạy học ở THPT, nhất là lớp 11, 12.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến các kiến thức về kinh

5.31. Đạo đức nghề nghiệp

- Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đạo đức nghề nghiệp nói chung và đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên nói riêng, từ đó nêu lên vấn đề giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm trong giai đoạn hiện nay.

- Trong chương trình cũ không có môn học này, chương trình mới đã bổ sung môn học nhằm hình thành năng lực về đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến đạo đức học, đồng thời có mối liên hệ mật thiết với các môn nghiệp vụ sư phạm thể hiện việc giải quyết các tình huống sư phạm trong nội dung môn học.

5.32. Thực tế chính trị - xã hội

Môn học thực tế chính trị - xã hội được chia thành các nội dung sau:

- Thực tế chuyên môn giáo dục chính trị, tư tưởng - thông qua các hoạt động thực tế tại: Khu di tích K9 đá Chông (Hà Nội), Khu di tích lịch sử Kim Liên (Quê Bác), Di tích Thành Cổ Quảng Trị, Nghĩa Trang Trường Sơn, Ngã Ba Đồng Lộc...

- Thực tế chuyên môn kinh tế, văn hóa, xã hội- thông qua các hoạt động thực tế tại: Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam (Hà Nội), Phố cổ Hội An, Cố đô Huế, tìm hiểu kinh tế thị trường tại Lạng Sơn...

5.33. Tiếng Anh chuyên ngành

- Tiếng Anh chuyên ngành là học phần cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên ngành sư phạm Giáo dục Công dân. Qua học phần này giúp sinh viên bước đầu làm quen với việc trình bày ngôn ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh và dịch thuật một số đoạn từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Các nội dung chủ yếu của môn học là các kiến thức được thể hiện trong từng bài.

5.34. Lịch sử triết học

- Môn học cung cấp một cách có hệ thống những tri thức triết học cơ bản nhất qua các trường phái và đại biểu tiêu biểu nhất trong triết học Phương Đông và phương Tây.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các môn học bắt buộc (như: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; các chuyên đề tự chọn (chuyên đề triết học, chuyên đề CNXHKKH, Logic biện chứng).

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân. Có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành sâu như: Giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông; Giáo dục thẩm mỹ, Giáo dục pháp luật, Tôn giáo học...

- Đây là môn học cơ bản nhất làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.

5.35. Hiến pháp và các định chế chính trị

- Môn học tập trung vào vấn đề trang bị cho sinh viên những kiến thức

cơ bản về Hiến pháp và các định chế chính trị ở nước ta, hình thành kỹ năng và thái độ đúng đắn, phù hợp cho sinh viên trước các tình huống pháp lý trên cơ sở vận dụng sáng tạo kiến thức của môn học

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục giáo dục công dân dành cho học sinh phổ thông

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học khoa học chính trị như: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương, Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông... trong chương trình.

5.36. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

- Môn học tập trung vào vấn đề trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào việc đánh giá các hiện tượng của đời sống xã hội, tu dưỡng, rèn luyện hoàn thiện bản thân.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung giáo dục đạo đức trong chương trình giáo dục giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

- Trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, không có môn học tương tự (ở cấp độ thấp hơn) vì ở bậc giáo dục bắt buộc (THCS) chưa có các chuyên đề thuộc nội dung kiến thức này.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Một số tác phẩm của Hồ Chí Minh, Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh... trong chương trình.

5.37. Pháp luật quốc tế

- Luật quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho SV kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biên quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế...

5.38. Pháp luật về quyền con người

- Pháp luật về quyền con người là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quyền con người trên các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội, đồng thời giới thiệu về các cơ chế bảo đảm và thúc đẩy quyền con người ở cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia.

5.39. Pháp luật kinh tế

- Tập trung vào các vấn đề chính: Đạo đức kinh doanh, Luật Doanh nghiệp, luật Đầu tư, luật Kinh tế.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, có môn học tương tự (ở cấp độ thấp hơn).

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Kinh tế học, Giáo dục pháp luật cho HS THPT.

5.40. Kinh tế phát triển

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng tổ chức dạy học các chuyên đề về kinh tế phát triển và định hướng nghề nghiệp cho HS THPT.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các chuyên đề tự chọn được tổ chức dạy học ở THPT, nhất là lớp 11, 12.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến các kiến thức về kinh tế.

5.41. Một số chuyên đề Triết học

- Tập trung vào các vấn đề chính: Thế giới quan duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Lý luận hình thái kinh tế - xã hội.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Phát triển theo hướng chuyên sâu phần Triết học trong chương trình Giáo dục công dân ở THPT.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học trong chương trình như: NNLCBCCNM – LN 1; Lịch sử tư tưởng Việt Nam; Chính trị học; Tôn giáo học; Lịch sử triết học 1 và 2; Một số tác phẩm của Mác, Ăngghen và Lênin.

5.42. Một số chuyên đề kinh tế chính trị

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các vấn đề kinh tế chính trị như tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế, các quy luật kinh tế cơ bản, các thành phần kinh tế, công nghiệp hóa hiện đại hóa, kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế... Thông qua môn học giúp cho sinh viên vận dụng vào giảng dạy các vấn đề kinh tế trong chương trình giáo dục phổ thông môn giáo dục công dân

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học như môn nguyên lý 2, môn kinh tế học, tác phẩm kinh điển (bộ tư bản của Mác).

5.43. Một số chuyên đề CNXHKKH

- Tập trung vào những vấn đề chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới việc giáo dục lập trường, tư tưởng cho học sinh phổ thông, cũng như cung cấp kiến thức chuyên sâu cho HSPT trong cách nhìn nhận các vấn đề chính trị xã hội.

- Trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, không có môn học tương tự (ở cấp độ thấp hơn)

vì ở bậc giáo dục bắt buộc (THCS) chưa có các chuyên đề nâng cao

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu nhất là những modul có liên quan đến các kiến thức triết học, tôn giáo, đường lối, tư tưởng Hồ Chí Minh.

5.44. Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Môn học Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được kết cấu qua sự lựa chọn một số chuyên đề cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam như: Năm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước (1986 - 2016); Đảng lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; Nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm của quá trình Đảng lãnh đạo 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975).

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân: Góp phần hình thành và nâng cao phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân với Tổ quốc...

- Trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, không có môn học tương tự (ở cấp độ thấp hơn) vì ở bậc giáo dục bắt buộc (THCS) chưa có các chuyên đề nâng cao

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học như: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam.

5.45. Logic biện chứng

- Tập trung vào các vấn đề chính: khái lược chung về lôgic học biện chứng; các nguyên tắc của lôgic học biện chứng; các hình thức tư duy biện chứng và các quy luật cơ bản của lôgic biện chứng.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các nội dung giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Phát triển theo hướng chuyên sâu phần Lôgic học.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình như: Lôgic học; NNLCBCCNM – LN 1; Lịch sử triết học; Một số tác phẩm của Mác, Ăngghen và Lênin.

5.46. Lịch sử các học thuyết kinh tế

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình phát sinh, phát triển đấu tranh và thay thế lẫn nhau giữa các hệ thống quan điểm kinh tế, hiểu đầy đủ hơn các tư tưởng kinh tế trong sự phát triển tri thức kinh tế của loài người .

- Thông qua môn học giúp cho sinh viên vận dụng vào giảng dạy các vấn đề kinh tế trong chương trình giáo dục phổ thông môn giáo dục công dân

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học như môn nguyên lý 2, môn kinh tế học, tác phẩm kinh điển (Bộ tư bản của Mác).

5.47. Tâm lý học đại cương

- Môn học tập trung vào:
 - + Nghiên cứu bản chất hiện tượng tâm lý người
 - + Nghiên cứu các yếu tố chủ quan, khách quan chi phối sự hình thành, phát triển tâm lý người : yếu tố bẩm sinh di truyền, môi trường sống, giáo dục, hành động, giao tiếp ...
 - + Nghiên cứu 3 mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người : Nhận thức, tình cảm, ý chí
 - + Nghiên cứu sự hình thành và phát triển nhân cách
- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn...
- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào ?
- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình.
- Có quan hệ chặt chẽ với môn triết học

5.48. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm

- Tập trung vào các vấn đề: Lí luận về sự phát triển tâm lí học sinh THPT; hoạt động học và giao tiếp, các dạng hoạt động khác, những đặc điểm tâm lí cơ bản của học sinh THPT; những nội dung cơ bản về tâm lí học dạy học và tâm lí học giáo dục THPT, nhân cách người giáo viên THPT.

- Có mối quan hệ trực tiếp với môn Công dân với Tổ quốc, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, gián tiếp với các môn học khác ở trường THPT.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Tâm lí học đại cương, Giáo dục học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên THPT.

5.49. Những vấn đề chung về giáo dục học

- Tập trung vào những vấn đề chung về giáo dục và những vấn đề chung của giáo dục học
- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân
- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào ? Kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực
- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình: Tâm lí học; phương pháp giảng dạy bộ môn.

5.50. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông

- Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và nội

dung, phương pháp công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học; Những vấn đề chung về giáo dục học; Phương pháp giảng dạy bộ môn; Thực hành sư phạm.

5.51. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành

- Tập trung vào các vấn đề chính: Những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học; những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành GDGD và đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học ngành GDGD; cấu trúc và cách trích dẫn khoa học của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành GDGD.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những phương pháp nghiên cứu nội dung kiến thức trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Bồi dưỡng khả năng nghiên cứu, phân tích và trình bày một cách lô gic các nội dung trong chương trình Giáo dục công dân ở THPT.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình như: NNLCBCCNM – LN 1; Lịch sử triết học 1 và 2; Một số tác phẩm của Mác, Ăngghen và Lênin; Phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân 2 và 3; Lô gic học.

5.52. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

- Tập trung vào vấn đề gì ? Những vấn đề lí luận dạy học và lí luận giáo dục trong nhà trường phổ thông

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Các môn học, Kĩ năng dạy học và kĩ năng giáo dục

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào ? Kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình: Tâm lý học; phương pháp giảng dạy bộ môn.

5.53. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDGD theo chuẩn năng lực ở trường trung học phổ thông

- Môn học trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDGD; vận dụng những kiến thức, kỹ thuật cơ bản để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn GDGD ở trường THPT.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GDGD ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ các môn về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả

dạy học môn GDCD bậc THCS.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm) và các quy định về KTĐG của Bộ GD và ĐT.

5.54. Lý luận chung về dạy học môn GDCD ở trường trung học phổ thông

- Môn học trang bị cho SV những kiến thức lý luận cơ bản về dạy học môn GDCD ở trường THPT. Từ những vấn đề chung về PPDH đến PPDH môn GDCD; những đặc điểm cơ bản của môn GDCD ở trường THPT, các nguyên tắc, hình thức tổ chức dạy học môn GDCD; PPDH các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật trong môn GDCD; các PPDH môn GDCD; phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GDCD ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ các môn PPDH môn GDCD bậc THCS. Cụ thể là phương pháp dạy học những nội dung về đạo đức, hiến pháp, pháp luật, định hướng lý tưởng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm). Ngoài ra, môn học có sự gắn bó chặt chẽ, là sự cụ thể hóa của các môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong môn Giáo dục công dân.

5.55. Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD ở trường phổ thông (phần 1)

- Môn học trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình môn GDCD ở trường THPT; vận dụng các kiến thức lý luận chung về PPDH môn GDCD để thiết kế bài giảng, thực hành giảng dạy, kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GDCD ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ các môn PPDH môn GDCD bậc THCS. Cụ thể là phương pháp dạy học những nội dung về đạo đức, pháp luật và lý tưởng cách mạng.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm). Ngoài ra, môn học có sự gắn bó chặt chẽ, là sự cụ thể hóa của các môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong môn Giáo dục công dân.

5.56. Thực hành phương pháp dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông (phần 2)

- Môn học trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình môn GD&ĐT 12 ở trường THPT; vận dụng các kiến thức lý luận chung về PPDH môn GD&ĐT để thiết kế bài giảng, thực hành giảng dạy, trong dạy học môn GD&ĐT 12.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GD&ĐT lớp 12 ở trường THPT. Ngoài ra, môn học còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ các môn PPDH môn GD&ĐT bậc THCS. Cụ thể là phương pháp dạy học những nội dung về pháp luật của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm). Ngoài ra, môn học có sự gắn bó chặt chẽ, là sự cụ thể hóa của các môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong môn Giáo dục công dân.

5.57. Thực hành sư phạm 1

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở, vai trò, những nội dung, yêu cầu của rèn luyện nghiệp vụ sư phạm đối với SV; rèn luyện cho SV có được những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết của một người GV GD&ĐT trong trường THPT.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GD&ĐT ở trường THCS. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm). Ngoài ra, môn học có sự gắn bó chặt chẽ, là sự cụ thể hóa của các môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong môn Giáo dục công dân.

5.58. Thực hành sư phạm 2

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những yêu cầu đối với sinh viên khi thực hành dạy học môn Giáo dục công dân bậc THPT .

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GD&ĐT ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm bậc THCS.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm). Ngoài ra, môn học có sự gắn bó chặt chẽ, là sự cụ thể hóa của các môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong môn Giáo dục công dân.

5.59. Thực tập sư phạm 1

- Môn học giúp sinh viên bước đầu vận dụng những kiến thức, kỹ năng NVSP được học tập, rèn luyện ở trường đại học vào quá trình thực tập công tác chủ nhiệm, thực tập công tác giảng dạy và các hoạt động đoàn thể ở trường phổ thông.

5.60. Thực tập sư phạm 2

- Môn học giúp sinh viên vận dụng thành thạo những kiến thức, kỹ năng NVSP được học tập, rèn luyện ở trường đại học vào quá trình thực tập công tác chủ nhiệm, thực tập công tác giảng dạy và các hoạt động đoàn thể ở trường phổ thông.

5.61. Giao tiếp sư phạm

- Tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh THPT, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường THPT; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm sáng tạo; gián tiếp qua các môn học khác.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, Lí luận dạy học và giáo dục ở trường phổ thông, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

5.62. Tâm lý học giới tính

- Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về sự khác biệt trong tâm lý của giới tính (chủ yếu là dị giới), bao gồm: Những vấn đề chung của tâm lý học giới tính. Trong chương này, sinh viên sẽ có kiến thức về khái niệm tâm lý học giới tính, sự khác biệt giữa giới và giới tính, đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học giới tính, lược sử hình thành của tâm lý học giới tính, lược sử hình thành nghiên cứu về tâm lý học giới tính và những yếu tố tiền đề cho sự hình thành của tâm lý giới giới tính. Chương 2 đề cập đến những đặc điểm tâm lý giới tính nam và nữ chia theo các giai đoạn của lứa tuổi. Chương 3 nhằm làm rõ sự khác biệt về tâm lý giới tính trong đời sống tâm lý của con người, ở một số lĩnh vực gồm: Sự khác biệt giới tính trong hôn nhân – gia đình; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong giáo dục – đào tạo; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong một số lĩnh vực ngành nghề và sự khác biệt về tâm lý giới tính trong khía cạnh văn hóa.

5.63. Những vấn đề giáo dục cần cập nhật

- Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đổi mới giáo dục & đào tạo nói chung và đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông nói riêng qua đó phát triển năng lực tiếp cận những vấn đề giáo dục cần cập nhật.

5.64. Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh THPT

- Môn học này trang bị cho sinh viên những cơ sở lý thuyết về tư vấn hướng nghiệp và thực tiễn định hướng nghề nghiệp. Qua đó, hình thành và phát triển một số kỹ năng cơ bản trong hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT.

8.68. Hoạt động trải nghiệm trong chương trình môn GD&CD ở trường trung học (02 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông trong dạy học chương trình môn GD&CD. Qua đó, nâng cao kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với đối tượng học sinh phổ thông. Học phần có liên quan đến các môn trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho SV ngành GD&CD.

5.65. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn GD&CD ở trường trung học phổ thông

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức về hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường THPT thông qua dạy học môn GD&CD.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp giải quyết nội dung liên quan đến dạy học môn GD&CD và hình thành năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Môn học cung cấp kiến thức và tạo môi trường trải nghiệm thực tế thông qua các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh THPT.

- Môn học có liên quan đến các môn trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho SV ngành GD&CD như: Phương pháp dạy học môn GD&CD 1,2,3.

5.66. Kỹ năng phát triển chương trình môn GD&CD ở trường trung học phổ thông

- Môn học trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục môn GD&CD. Xuất phát từ những nội dung về chương trình giáo dục nói chung, môn học tập trung nghiên cứu, so sánh chương trình môn GD&CD trước đây, hiện nay và sắp tới để có một cái nhìn tổng thể về sự phát triển, thay đổi của chương trình môn học. Đặc biệt, đó là sự thay đổi từ chương trình tiếp cận nội dung sang chương trình tiếp cận năng lực.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GD&CD ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gắn gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ môn GD&CD bậc THCS đến môn GD&CD bậc THPT; Từ chương trình cũ theo hướng tiếp cận nội dung sang chương trình mới tiếp cận năng lực đối với

HS.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm). Ngoài ra, môn học có sự gắn bó chặt chẽ với các môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục công dân.

5.67. Một số phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn GDCD

- Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về một số PPDH, KTDH theo định hướng phát triển năng lực người học, lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy học môn GDCD (khái niệm, cách phân loại, ưu nhược điểm, cách tiến hành và yêu cầu sư phạm khi sử dụng PPDH, PTDH).

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến hoạt động dạy và học môn GDCD ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ một số nội dung hướng dẫn SV hệ Cao đẳng sử dụng các PPDH, KTDH trong dạy học môn PPDH GDCD bậc THCS.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm), các môn chuyên ngành Giáo dục Chính trị.

5.68. Kỹ thuật sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học môn Giáo dục công dân

- Môn học trang bị cho SV những vấn đề cung về PTDH và hình thành cho SV kỹ thuật sử dụng PTDH trong dạy học môn GDCD.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GDCD ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ một số nội dung hướng dẫn SV hệ Cao đẳng sử dụng các PTDH trong dạy học môn PPDH GDCD bậc THCS.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm), môn Tin học và các môn chuyên ngành Giáo dục Chính trị.

5.69. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông qua dạy học môn GDCD

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng sống, qua đó nâng cao năng lực thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học trong chương trình môn GDCD. Học phần có liên quan đến các môn trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư

phạm cho SV ngành GD&ĐT.

5.70. Khóa luận tốt nghiệp

- Khóa luận giúp cho những sinh viên đủ điều kiện tham gia vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào trong quá trình thực tập giảng dạy, đồng thời rèn cho sinh viên tính độc lập, tự chủ trong nghiên cứu khoa học của mình.

5.71. Lý luận và thực hành dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông

- Môn học trang bị cho SV những kiến thức lý luận chuyên sâu về dạy học môn GD&ĐT ở trường THPT. Đó là những vấn đề về các nguyên tắc dạy học môn GD&ĐT, hình thức tổ chức dạy học môn GD&ĐT; về PPDH, KTDH môn GD&ĐT để giảng dạy các nội dung trong môn học; vấn đề dạy học tích hợp trong môn GD&ĐT và KT&DG trong dạy học môn GD&ĐT theo định hướng KT&DG năng lực, phẩm chất của người học.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến môn GD&ĐT ở trường THPT. Ngoài ra còn có quan hệ gần gũi đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong trường THPT.

- Môn học là sự phát triển tiếp nối từ các môn PPDH môn GD&ĐT bậc THCS. Cụ thể là phương pháp dạy học những nội dung về đạo đức, hiến pháp, pháp luật, định hướng lý tưởng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Tâm lý học, Giáo dục học, PPDH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm). Ngoài ra, môn học có sự gắn bó chặt chẽ, là sự cụ thể hóa của các môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong môn Giáo dục công dân.

5.72. Sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Môn học cung cấp một cách có hệ thống những tri thức về những phát minh vĩ đại của Chủ nghĩa Mác – Lênin như các học thuyết: HTKT-XH, Học thuyết giá trị, Sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân...); Những vấn đề nảy sinh của thời đại và đặc biệt là sự vận dụng các học thuyết này vào công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn công dân công dân với tổ quốc.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Phát triển theo hướng chuyên sâu phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống các môn học bắt buộc và tự chọn như: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Chuyên đề triết học, Chuyên đề kinh tế chính trị, Chuyên đề CNXH&KH, các học phần liên quan đến Đảng Cộng sản và Tư tưởng Hồ Chí Minh,...

5.73. Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

- Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến các kiến thức về văn hóa, đạo đức; về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng.

- Mô tả vắn tắt nội dung: Nội dung môn học gồm 5 Chương: Chương I- Sự cần thiết phải vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay; từ Chương II đến Chương V trình bày những nội dung cơ bản về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới.

TRƯỞNG KHOA



Trần Thị Hồng Loan